

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2019/DS-ST

Ngày: 11 – 11 – 2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 783/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ trụ sở: Phường H, Quận Y, thành phố Z.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn K – chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Yến N, sinh năm: 1991, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ Tín dụng tiêu dùng – Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP A chi nhánh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền số 993/QUQ-CNCM ngày 22/8/2019).
(có mặt)

Địa chỉ: Đường NTT, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Châu Thị Tuyết B, sinh năm: 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Trương Yến N trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 07/8/2018 bà Châu Thị Tuyết B đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1125408, đề nghị Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) chi nhánh Cà Mau cấp thẻ tín dụng JCB hạn mức 20.000.000đ, thỏa thuận lãi suất tại thời điểm cấp thẻ tín dụng là 2,5%/tháng, bà B thống nhất bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng cùng với nội dung theo Giấy đề nghị nêu trên. Trên cơ sở đề nghị của bà B, Ngân hàng đã đồng ý cấp tín dụng cho bà B hạn mức 15.000.000đ vào ngày 13/8/2018. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà B đã thực hiện các giao dịch thẻ JCB với tổng số tiền 17.500.000đ. Bà B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.850.000đ (trong đó gồm có tiền lãi 1.577.806đ, phí giao dịch 349.000đ, tiền vốn: 2.923.194đ). Do bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 22/02/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng đối với bà B. Bà B không thanh toán nợ ba kỳ liên tiếp, vi phạm cam kết nên toàn bộ dư nợ của bà B tính đến ngày 22/5/2016 gồm tiền vốn vay, phí, phí trễ hạn và tiền lãi được chuyển sang dư nợ gốc với tổng số tiền 16.639.695đ và Ngân hàng tính lãi quá hạn trên dư nợ gốc từ ngày 23/5/2019. Tính đến ngày 11/11/2019, bà B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 20.238.095đ (trong đó: Tiền vốn gốc 16.639.695đ, lãi trong hạn 2.398.933đ, lãi quá hạn 1.199.467đ). Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà B thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi với số tiền 20.238.095đ nêu trên, yêu cầu bà B tiếp tục thanh toán lãi phát sinh với mức lãi suất theo hợp đồng đã ký từ ngày 12/11/2019 đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Đối với bà Châu Thị Tuyết B: Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các Thông báo cho bà B đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập bà B đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà B vẫn không có mặt tại Tòa án theo Thông báo, Giấy triệu tập của Tòa án, cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP A khởi kiện và yêu cầu bà Châu Thị Tuyết B thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ tín dụng cho Ngân hàng. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà B có địa chỉ cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Vụ án không hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà B đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà B vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, có quy định thời hạn và có lãi suất. Hợp đồng tín dụng đương sự đã ký kết được thiết lập trên tinh thần tự nguyện thỏa

thuận của Ngân hàng và bà B, phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thấy rằng tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng do bà B đề nghị ngày 07/8/2018, được phê duyệt ngày 13/8/2018, thiết lập giữa Ngân hàng với bà B, bà B được cấp hạn mức tín dụng 15.000.000đ. Bà B đã rút tiền lần đầu tiên vào ngày 22/8/2018 với số tiền 14.900.000đ. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà B thanh toán vốn và lãi hàng tháng đúng hạn đến ngày 22/01/2019, sau đó ngưng thanh toán cho đến nay. Bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán liên tiếp nhiều kỳ theo quy định tại bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A (có hiệu lực từ ngày 15/8/2016) nên ngày 22/5/2019 Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ sang dư nợ gốc với tổng số tiền 16.639.695đ và tính lãi quá hạn từ ngày 23/5/2019 là đúng theo quy định tại mục 23 của bản Điều khoản và Điều kiện nêu trên. Căn cứ vào số dư nợ gốc, lãi suất thỏa thuận, có căn cứ xác định đến ngày 11/11/2019 bà Châu Thị Tuyết B còn nợ Ngân hàng khoản nợ gốc là 16.639.695đ; lãi là 3.598.400 đ (trong đó lãi trong hạn 2.398.933đ, lãi quá hạn 1.199.467đ). Do đó yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà Châu Thị Tuyết B thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ vay tính đến ngày 11/11/2019 với tổng số tiền 20.238.095đ theo hợp đồng tín dụng số 1125408 được phê duyệt ngày 13/8/2018 là có căn cứ chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị Tuyết B có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán nợ cho Ngân hàng nên bà B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền án phí đã dự nộp theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

- Buộc bị đơn bà Châu Thị Tuyết B thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 20.238.095 đồng (trong đó: nợ gốc là 16.639.695 đồng; lãi trong hạn là 2.398.933 đồng, lãi quá hạn 1.199.467 đồng).

- Buộc bà Châu Thị Tuyết B tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A khoản lãi phát sinh theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 1125408 do bà B đề nghị ngày 07/8/2018, được Ngân hàng phê duyệt ngày 13/8/2018, từ ngày 12/11/2019 đến khi thanh toán xong nợ.

2- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Châu Thị Tuyết B phải chịu 1.012.000đ (chưa nộp). Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí. Ngày 29/8/2019 Ngân hàng TMCP A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 463.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (theo biên lai số 0000677) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3 - Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Châu Thị Tuyết B vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân